TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HƯNG YÊN
Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày14/7/ 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Xuân Hùng
2- Bà Đặng Thị Tuyết Hương
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX - ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L Th H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T X 3, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y;

Chỗ ở: Tổ dân phố Y T, phường N H, thị xã M H, tỉnh H Y; Có mặt.

Bị đơn: Anh Ph D L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn T X 3, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y; Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu PH Th Th H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2011;

2. Cháu PH Th Ph Th, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2013;

3. Cháu Ph Ch Th,sinh ngày 22 tháng 5 năm 2017;

Người đại diện theo pháp luật của các cháu H, Th và Th1 : Anh Ph D L, sinh năm 1991;

Đều có địa chỉ: Thôn T X 3, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y; Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Ng Th Th3, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn T X 3, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y; Vắng mặt.

2. Ông L V L 1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn T T, xã X L, huyện Tr S, tỉnh Th H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Toà án, nguyên đơn chị L Th H trình bày: Chị kết hôn với anh Ph D L vào năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.Sau ngày cưới, hai vợ chồng về chung sống tại Thôn T X 3, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y.Vợ chồng chung sống đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nghi nghờ chị không chung thủy, hay nghen tuông vô cớ, trách mắng chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xẩy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau.Đến tháng 7 năm 2022, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn T T, xã X L, huyện Tr S, tỉnh Th H sống, không quay lại chung sống cùng anh L. Hai vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó, trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bổn phận của người đó. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là các cháu PH Th Th H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2011, cháu PH Th Ph Th, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2013 và cháu Ph Ch Th, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2017. Ban đầu chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng 02 cháu Th1 và Th2 đến khi thành niên. Nhưng sau đó chị thay đổi lời khai,lý do chị và anh L thoả thuận được việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nên chị để anh L nuôi cả 03 cháu H, Th và Th đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh L đã thoả thuận với nhau anh L không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung,vay nợ, công sức và ruộng canh tác: Chị và anh L không có gì liên quan về các nội dung này nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Ph D L, mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L không đến Toà án để cung cấp lời khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng là bà Ng Th Th3 (mẹ đẻ của anh L) trình bày nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do chị H có biểu hiện không chung thuỷ với anh L dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, đánh cãi chửi nhau.Đến tháng 7 năm 2022, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn T T, xã X L, huyện Tr S, tỉnh Th H sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó.

Người làm chứng là ông L V L 1 (bố đẻ của chị H) trình bày trong cuộc sống giữa chị H và anh L thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7 năm 2022, chị H bỏ về sống cùng gia đình ông.Đến nay anh chị sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông đề nghị Toà án cho chị H được ly hôn với anh L.

Tại phiên toà:

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh L, đồng ý giao 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con chung với anh L với mức 1.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu thành niên; về tài sản chung, vay nợ, công sức và ruộng canh tác, không yêu cầu giải quyết

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M H trình bầy quan điểm:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; ghi nhận sự tự nguyện của chị H giao 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc và chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh L với mức 1.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu thành niên; các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị L Th H và bị đơn anh Ph D L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Tại phiên toà vắng mặt bị đơn mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Qua lời trình bày của nguyên đơn và người làm chứng là bà Ng Th Th3 và ông L V L 1 cũng như tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã C X nên có đủ căn cứ xác định chị H và anh L có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã C X vào năm 2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.Việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh L, được Toà án xem xét, giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, không còn tình cảm, mẫu thuẫn đã trầm trọng không thể sống chung và yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Xét quan điểm này của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của chị phù hợp với lời khai của bà Ng Th Th3, ông L V L 1 và nội dung xác minh tại địa phương về cuộc sống gia đình của đương sự. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không tin tưởng

nhau dẫn đến xung đột, bất hoà. Anh L đã gửi đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải, anh L rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Đến tháng tháng 7 năm 2022, vợ chồng tiếp tục sống ly thân. Từ đó cho thấy tình cảm giữa chị H và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin hôn của chị H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị H, bà Th3, ông L1 và nội dung xác minh của Uỷ ban nhân dân phường C X có đủ căn cứ xác định giữa chị H và anh L có 03 con chung là các cháu PH Th Th H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2011, cháu PH Th Ph Th, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2013 và cháu Ph Ch Th, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo cung cấp của chị H, giữa chị và anh L đã thỏa thuận giao 03 con chung cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời anh L không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý giao 03 cháu cho anh L nuôi dưỡng, đồng thời chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh L với mức 1.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi các cháu thành niên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức và ruộng canh tác: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí : Chị L Th H phải chị án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

-Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L Th H được ly hôn anh Ph D L.

2. Về con chung:Ghi nhận sự tự nguyện của chị L Th H giao các cháu PH Th Th H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2011, PH Th Ph Th, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2013 và Ph Ch Th, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2017 cho anh Ph D L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L Th H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ph D L với mức 1.000.000 đồng/tháng/cháu, đến khi các cháu thành niên.

Chị L Th H có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức và ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:Chị L Th H phải chịu 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* chị Hđã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013255 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M H. Chị H còn phải nộp 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng).*

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Thị xã M H;
- Phòng KTGĐ - TAND tỉnh H Y;
- Chi cục T.H.A DS Thị xã M H;
- Các đương sự.
- UBND xã C X.
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Tuấn Trọng